

**BÁO CÁO THÔNG KÊ HỌC SINH MẦM NON**

Năm học: 2025-2026

Thời điểm thông kê: Tháng 01 năm 2026

Nội dung		Tổng số	Chia ra các loại hình trường			Ghi chú
			CL	DL	TT	
<b>3. Trẻ em</b>		335	335			
<b>3.2. Trẻ em mầm non đến trường lớp</b>		335	335			
<b>*Trẻ 3 - 12 tháng</b>						
Tính riêng	<i>Trẻ thuộc địa bàn quận/huyện</i>					
	<i>Trẻ từ quận/huyện khác đến học</i>					
	Số trẻ gái					
	Số trẻ học nhóm ghép					
	Trẻ khuyết tật học hòa nhập					
<b>*Trẻ 12-24 tháng</b>						
Tính riêng	<i>Trẻ thuộc địa bàn quận/huyện</i>					
	<i>Trẻ từ quận/huyện khác đến học</i>					
	Số trẻ gái					
	Số trẻ học nhóm ghép					
	Trẻ khuyết tật học hòa nhập					
<b>*Trẻ 24-36 tháng</b>		55	55			
Tính riêng	<i>Trẻ thuộc địa bàn quận/huyện</i>	45	45			
	<i>Trẻ từ quận/huyện khác đến học</i>	10	10			
	Số trẻ gái	22	22			
	Số trẻ học nhóm ghép					
	Trẻ khuyết tật học hòa nhập					
<b>*Trẻ 3 tuổi</b>		63	63			
Tính riêng	<i>Trẻ thuộc địa bàn quận/huyện</i>	54	54			
	<i>Trẻ từ quận/huyện khác đến học</i>	9	9			
	Số trẻ gái	27	27			
	Số trẻ học lớp ghép					
	Trẻ khuyết tật học hòa nhập					
<b>*Trẻ 4 tuổi</b>		93	93			
Tính riêng	<i>Trẻ thuộc địa bàn quận/huyện</i>	81	81			
	<i>Trẻ từ quận/huyện khác đến học</i>	12	12			
	Số trẻ gái	49	49			
	Số trẻ học lớp ghép					
	Trẻ khuyết tật học hòa nhập	1	1			
<b>*Trẻ 5 tuổi</b>		124	124			
Tính riêng	<i>Trẻ thuộc địa bàn xã khác</i>	110	110			
	<i>Trẻ từ xã khác đến học</i>	14	14			

Nội dung		Tổng số	Chia ra các loại hình trường			Ghi chú
			CL	DL	TT	
Tinh riêng	Số trẻ gái	63	63			
	Số trẻ học lớp ghép					
	Trẻ khuyết tật học hòa nhập	1	1			

An Quang, ngày 30 tháng 01 năm 2026

**HIỆU TRƯỞNG**



*(Handwritten signature in blue ink)*

**Hoàng Thị Lan Anh**